

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101053230 ngày 12 tháng 05 năm 2008 và giấy phép thay đổi lần 5 ngày 14 tháng 04 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 04 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND, tương ứng với 2.000.000 cổ phần.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là: Sử dụng và khai thác cơ sở hạ tầng để kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, sân tập thể thao.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Tiền và tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Cụ thể, đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: cần cử khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại

là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- ▶ Nhà cửa và vật kiến trúc 15-50 năm
- ▶ Máy móc, thiết bị 06-10 năm

2.8 Thuế hoạt động

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuế hoạt động.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi vay, chi phí khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.13 Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; và
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Kỳ tính thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2021 Công ty hiện đang áp dụng mức giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021.

2.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sử dụng và khai thác cơ sở hạ tầng để kinh doanh dịch vụ cho thuê địa điểm tại số 04 Vũ Ngọc Phan, Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	18.956.329	30.385.658
Tiền gửi ngân hàng	963.252.228	10.407.423
	982.208.557	40.793.081

Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tưBáo cáo tài chính
năm kết thúc ngày 31/12/2021

Số 04 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2021 là tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa và Ngân hàng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Đông Đô với lãi suất 3,7%/năm - 4,6%/năm.

5. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xi măng Bỉm Sơn	240.966.000	(240.966.000)	240.966.000	(240.966.000)
Công ty CP Xi măng Miền Trung	106.100.000	(106.100.000)	106.100.000	(106.100.000)
Lương Tiến Thành	945.634.260	-	460.886.539	-
Công ty CP Huyền thoại bìa IMI	422.234.614	-	140.804.073	-
Khác	112.324.516	-	6.329.532	-
	1.827.259.390	(347.066.000)	955.086.144	(347.066.000)

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngô Ngọc Quế	66.820.000	(66.820.000)	66.820.000	(66.820.000)
	66.820.000	(66.820.000)	66.820.000	(66.820.000)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các khoản tạm ứng cho nhân viên	610.189.691	(610.189.691)	615.189.691	(610.189.691)
Phải thu lãi dự thu từ các khoản tiền gửi ngân hàng	90.628.131	-	128.854.916	-
Ký quỹ bảo lãnh bảo hành hợp đồng	60.000.000	(60.000.000)	60.000.000	(60.000.000)
Khác	-	-	10.000.000	-
	760.817.822	(670.189.691)	814.044.607	(670.189.691)

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Các khoản cho vay cá nhân với mục đích đầu tư phù hợp với mục tiêu và kế hoạch của bên vay với thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký phụ lục bổ sung hợp đồng, lãi suất cho vay từ 5,5%/năm.

Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tưBáo cáo tài chính
năm kết thúc ngày 31/12/2021

Số 04 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

9. Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xi măng Bim Sơn	240.966.000	-	240.966.000	-
Công ty CP Xi măng Miền Trung	106.100.000	-	106.100.000	-
Mai Mạnh Hiên	178.447.692	-	178.447.692	-
Nguyễn Phú Tuấn	146.886.724	-	146.886.724	-
Tạm ứng	143.134.929	-	143.134.929	-
Các đối tượng khác	268.540.346	-	268.540.346	-
	1.084.075.691	-	1.084.075.691	-

10. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	106.206.270	(106.206.270)	106.206.270	(106.206.270)
	106.206.270	(106.206.270)	106.206.270	(106.206.270)

11. Tài sản cố định

- Tài sản cố định bao gồm nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.838.835.334 VND.

12. Thuê và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

a) Biến động vốn chủ sở hữu

15

Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tư

Số 04 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
năm kết thúc ngày 31/12/2021

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 bằng chia cổ tức với tỷ lệ 6% trên vốn điều lệ. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, trích thưởng hoàn thành vượt kế hoạch năm 2020 cho Ban quản lý, điều hành và BKS.

b) Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND	%	VND	%
Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp	3.259.000.000	16,3%	3.259.000.000	16,3%
Vương Thị Hằng	7.777.000.000	38,9%	7.777.000.000	38,9%
Nguyễn Văn Thái	2.600.000.000	13,0%	2.600.000.000	13,0%
Cổ đông khác	6.364.000.000	31,8%	6.364.000.000	31,8%
	20.000.000.000	100,0%	20.000.000.000	100,0%

14. Tài khoản ngoài bảng**Tài sản thuế ngoài**

Hợp đồng thuê đất với UBND thành phố Hà Nội, diện tích đất thuê 2.948 m² tại phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Thời hạn thuê đất 50 năm kể từ ngày 28/07/2000.

15. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021		Năm 2020	
	VND		(Trình bày lại)	
Doanh thu			VND	
Doanh thu cho thuê địa điểm	1.701.647.390		2.023.779.572	
	1.701.647.390		2.023.779.572	
Giá vốn				
Giá vốn cho thuê địa điểm	602.953.438		826.442.866	
	602.953.438		826.442.866	
	1.098.693.952		1.197.336.706	

16. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty là lãi từ các khoản tiền gửi và các khoản tiền cho vay.

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021		Năm 2020	
	VND		VND	
Chi phí nhân viên quản lý	426.667.418		484.635.394	
Thuế phí và lệ phí	187.350.379		152.436.730	
Chi phí dự phòng	-		85.468.200	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.389.894		121.951.984	
	694.407.691		844.492.308	

Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tư

Số 04 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
năm kết thúc ngày 31/12/2021**18. Lợi nhuận khác**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	(Trình bày lại) VND
Thu nhập khác	135.844.913	251.360.500
Thu nhập khác từ thu tiền điện, nước	135.844.913	251.360.500
Chi phí khác	123.639.208	207.579.494
Chi phí khác từ chi tiền điện, nước	123.639.208	207.579.494
	12.205.705	43.781.006

19. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận trước thuế
Chi phí không được trừ khi tính thuế

Thu nhập tính thuế		
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	316.026.656	337.824.590
<i>Chi phí thuế TNDN được giảm trong kỳ tính thuế năm 2021</i>	94.807.997	101.347.377

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm**221.218.659****236.477.213****20. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí nhân công	426.667.418	484.635.394
Chi phí dự phòng	-	85.468.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.389.894	121.951.984
Chi phí khác bằng tiền	790.303.817	978.879.596
	1.297.361.129	1.670.935.174

21. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật và Đầu tư

Số 04 Vũ Ngọc Phan, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
năm kết thúc ngày 31/12/2021**22. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Hằng Kiểm toán AASC kiểm toán. Trong đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được điều chỉnh như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Trình bày trên báo cáo năm nay	VND		Chênh lệch
			Đã trình bày trên báo cáo năm trước	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.141.971.846	2.393.332.346	(251.360.500)	
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	826.442.866	1.034.022.360	(207.579.494)	
Thu nhập khác	31	251.360.500	-	251.360.500	
Chi phí khác	32	207.579.494	-	207.579.494	

23. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 20 tháng 03 năm 2022.

Nguyễn Văn Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thị Thùy Liên
Kế toán trưởng